

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/6/2025

V/v "Ly hôn, nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Đức Cảnh

Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Minh Tăng

Ông Trương Ngọc Nhân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thanh Nga- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn, nợ chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Phan Thái T, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Chị Lê Thị T1, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt không có lý do).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ngân hàng C; địa chỉ trụ sở chính: số A phố L H Hà Nội.

Đại diện tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tất T2, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan Thái T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị T1 tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 08/01/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, vào năm 2022 vợ chồng sống ly thân, từ khi ly thân không ai quan tâm đến ai, nên anh T xin ly hôn với chị T1.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bản thân anh T có vay nợ của Ngân hàng C số tiền 30.000.000 đồng, khi ly hôn, anh T sẽ có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng.

Bị đơn chị Lê Thị T1 vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày tại tờ tự khai ngày 15/5/2025: Ngày 20/02/2024, anh Phan Thái T có vay của Ngân hàng C (thông qua phòng giao dịch huyện M) với số tiền 30.000.000 đồng tại khế ước số 6600000727617278, lãi suất cho vay là 8,25%, hạn trả nợ ngày 20/02/2029. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị T1, do đó ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng số tiền 30.000.000 đồng và lãi phát sinh theo khế ước vay số 6600000727617278 ngày 20/02/2024.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn anh Phan Thái T xin giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

- Ông Nguyễn Tất T2 có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến xin giữ nguyên nội dung trình bày như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, số tiền gốc anh T còn nợ là 30.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 19/6/2025 là 70.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 147, 227, 228, 235, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 của Luật hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T; về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa anh T và chị T1; về con chung: không có nên không xét; về tài sản chung: không có nên không xét; nợ chung: buộc anh T phải trả cho Ngân hàng C số tiền 30.070.000đ; về án phí: anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Phan Thái T khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề nợ chung khi ly hôn với chị Lê Thị T1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, qua xác minh tại địa phương được biết chị T1 có nơi cư trú tại thôn B, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn chị Lê Thị T1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T3 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Thái T và chị Lê Thị T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 08/01/2018, nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Anh T cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, từ đó vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không ai quan tâm chăm sóc đến ai, không liên lạc gì với nhau.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và hiện nay đã sống ly thân. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ khi ly thân đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, không ai có mong muốn hàn gắn tình cảm. Bên cạnh đó, Tòa án đã thống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập chị T1 đến Tòa án để tiến hành hòa giải tuy nhiên chị T1 không có thiện chí tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm, không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của anh T. Nên có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị T1 là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Không có nên không xem xét.

[2.3] Đối với quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Đối với quan hệ nợ chung: Anh T cho rằng, trong thời kỳ hôn nhân, bản thân anh có vay nợ của Ngân hàng C số tiền 30.000.000 đồng tại khế ước số 6600000727617278 ngày 20/02/2024, lãi suất cho vay là 8,25%, hạn trả nợ ngày 20/02/2029. Anh T đồng ý có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, có đủ căn cứ xác định: anh T có vay vốn tại ngân hàng tại tại khế ước số 6600000727617278 ngày 20/02/2024, số tiền nợ gốc còn lại là 30.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày

19/6/2025 là 70.000 đồng. Việc vay nợ là của anh T, làm phát sinh nghĩa vụ trả nợ giữa anh T với Ngân hàng. Do đó, anh T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng theo như hợp đồng, khế ước đã ký kết.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí dân sự có giá ngạch: Anh T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho ngân hàng.

[4] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 27, 37, 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Các Điều 280, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Các điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thái T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phan Thái T và chị Lê Thị T1.

1.2. Về quan hệ con chung: Không có nên không xét.

1.3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu nên không xét.

1.4. Về quan hệ nợ chung: Anh Phan Thái T có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng C khoản vay theo khế ước số 6600000727617278 ngày 20/02/2024, số tiền nợ gốc còn lại là 30.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 19/6/2025 là 70.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan Thái T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0000721 ngày 09/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Anh Phan Thái T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền: 1.500.000 đồng (làm tròn số).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Đương sự;
- UBND xã Trung Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Đức Cảnh